

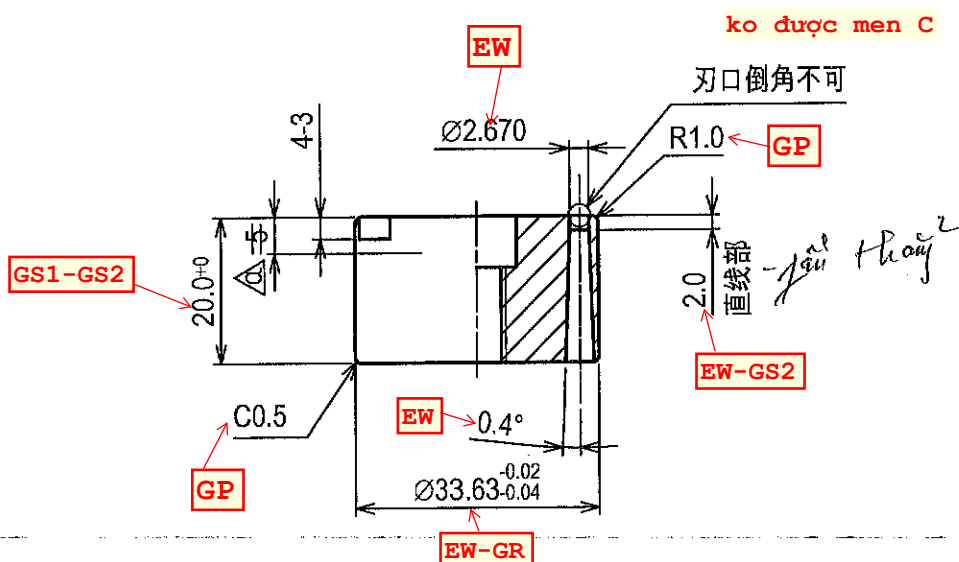
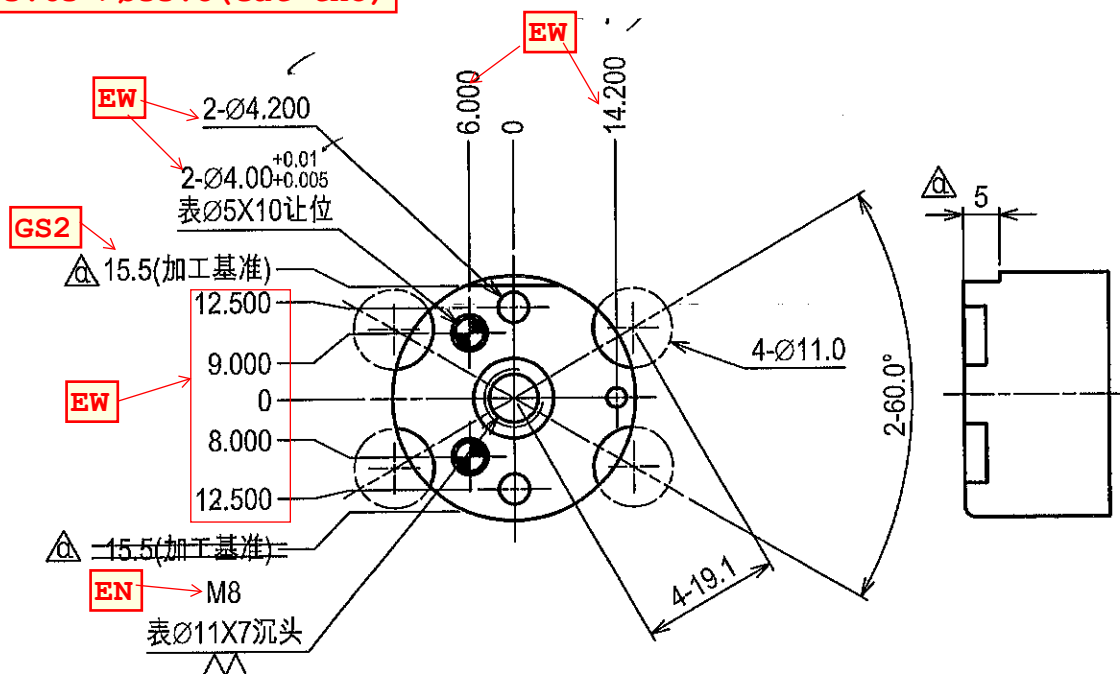
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init	2016/07/16	新機設計		Wang_Gan_Pei	Ye_Chang_Jing	0.0000	± 0.002	0.000	+0 -0.005
a	2017/5/23	備品和下模干涉対応	VDM-XLB-1705-011	周少雄	叶长敬	0.000	± 0.005	0.000	-0 +0.005
						0.00	± 0.01	0.00	+0 -0.01
						0.0	± 0.1	0.00	-0 +0.01
						0.	± 0.2	0.0	+0 -0.1
								0.0	-0 +0.1

GS1 繰り越 2 面
EW :
-Cắt OK biên dạng lỗ
-M8=>Ø6.80
-Ø33.63=>Ø33.8 (cắt thô)

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G
▽▽ (▽)



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wang_Gan_Pei	Ye_Chang_Jing	部品図		ダイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		DIE
HRC 0° ~ 0°		部品図		下模
		部品図		下模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D30/HIP)	2016/07/16	1:1		R058331

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

722 x 40 x 40

SNO: **R058331**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP R058331	GS1:20 EW:350 GR:75 GS2:60 GP:40 EN:60 KT